**TRƯỜNG THPT ĐÀO SƠN TÂY**

**BỘ MÔN LỊCH SỬ**

# KIẾN THỨC CƠ BẢN
# LỊCH SỬ 11

**Năm học: 2023-2024**

# CHƯƠNG 1
# CÁCH MẠNG TƯ SẢN VÀ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN
## BÀI 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÁCH MẠNG TƯ SẢN

### 1. Tiền đề của các cuộc cách mạng tư sản

*a. Kinh tế*

- Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa ra đời trong lòng xã hội phong kiến. Các ngành kinh tế thủ công nghiệp và thương nghiệp phát triển mạnh, các công trường thủ công ra đời với nghề phổ biến như len, dạ, vải, đóng tàu, khai thác mỏ, luyện kim.
- Nhiều trung tâm công – thương nghiệp, tài chính xuất hiện.
- Kinh tế nông nghiệp phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa. Nhiều lãnh chúa phong kiến chuyển sang kinh doanh ruộng đất, sản xuất hoặc cho thuê.

*b. Chính trị - xã hội*

- Chính Trị: Chế độ phong kiến ở các nước Tây Âu khủng hoảng sâu sắc. Nhân dân bất bình với chế độ cai trị hà khắc của nhà nước phong kiến → Họ đấu tranh để xóa bỏ ách áp bức, bóc lột.
- Xã hội: Sự phát triển kinh tế làm xã hội Tây Âu và Bắc Mỹ biến đổi sâu sắc, xuất hiện các tầng lớp, giai cấp mới, đại diện cho phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa (tư sản, quý tộc mới) → mâu thuẫn xã hội trở nên gay gắt hơn.

*c. Tư tưởng*

- Hệ tư tưởng của giai cấp tư sản dần hình thành, tấn công vào hệ tư tưởng phong kiến, chuẩn bị tiền đề về tư tưởng cho cuộc cách mạng tư sản bùng nổ (phong trào Cải cách tôn giáo, trào lưu tư tưởng "Triết học Ánh sáng").

### 2. Mục tiêu, nhiệm vụ, giai cấp lãnh đạo, động lực của các cuộc cách mạng tư sản.

*a. Mục tiêu, nhiệm vụ của các cuộc cách mạng tư sản.*

+ Mục tiêu chung

- Lật đổ chế độ phong kiến chuyên chế, mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển.

+ Nhiệm vụ

- Nhiệm vụ dân tộc: Giành độc lập dân tộc, xoá bỏ tình trạng cát cứ phong kiến, thống nhất thị trường dân tộc, hình thành quốc gia dân tộc.
- Nhiệm vụ dân chủ: Xoá bỏ tính chất chuyên chế phong kiến, xác lập nền dân chủ tư sản.

*b. Giai cấp lãnh đạo cách mạng tư sản*

- Lãnh đạo cách mạng là giai cấp tư sản và đồng minh của họ (chủ nô, quý tộc mới…). Về sau cũng có những cuộc cách mạng mang tính chất tư sản nhưng do giai cấp vô sản lãnh đạo (cách mạng tháng 10 Nga).

*c. Động lực của cách mạng*

- Trong các cuộc cách mạng tư sản, giai cấp lãnh đạo và quần chúng nhân dân giữ vai trò quyết định và là động lực quyết định thắng lợi của cách mạng.

**3. Kết quả và ý nghĩa của các cuộc cách mạng tư sản**

**a. Kết quả**

- Đều giành thắng lợi, lật đổ chế độ phong kiến, thực dân → mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển.

**b. Ý nghĩa**

- Cách mạng tư sản thắng lợi đã đặt dấu mốc cho chế độ tư bản chủ nghĩa ra đời, tạo điều kiện cho cách mạng công nghiệp bùng nổ, thúc đẩy kinh tế tư bản phát triển vượt bậc.
- Thúc đẩy mạnh mẽ các cuộc cách mạng chống phong kiến và phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở Á – Phi – Mỹ La-tinh.

ꕥ

## BÀI 2: SỰ XÁC LẬP VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN

**1. Sự xác lập chủ nghĩa tư bản ở châu Âu và Bắc Mỹ**

- Từ thế kỷ XVI – XVIII, các cuộc cách mạng tư sản tiêu biểu nổ ra thắng lợi ở Ne-đec-lan (Hà Lan), Anh, Pháp, Bắc Mỹ thiết lập được nhà nước tư bản.
- Nửa sau thế kỉ XIX, cách mạng tư sản tiếp tục bùng nổ dưới nhiều hình thức khác nhau và giành được thắng lợi, dẫn đến sự xác lập chủ nghĩa tư bản ở châu Âu và Bắc Mỹ.

**2. Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản**

*a. Chủ nghĩa đế quốc và quá trình mở rộng xâm lược thuộc địa*

- Sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa ở châu Âu và Bắc Mỹ dẫn đến nhu cầu ngày càng cao về nguyên liệu và nguồn nhân công dẫn đến quá trình thực dân hóa.
- Từ thế kỉ XVI đến đầu thế kỉ XX, hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân đã trải rộng khắp châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ La-tinh.
- Chủ nghĩa đế quốc ra đời với chính sách mở rộng và duy trì quyền kiểm soát hoặc ảnh hưởng đối với các quốc gia hay dân tộc yếu hơn.

*b. Sự mở rộng và phát triển của chủ nghĩa tư bản*

+ Cơ sở mở rộng và phát triển của chủ nghĩa tư bản

- Sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật
- Nguồn nguyên liệu khai thác từ thuộc địa.
- Các nước tư bản mở rộng xuất khẩu tư bản, đẩy mạnh hoạt động ngân hàng, tài chính.

+ *Sự mở rộng và phát triển của chủ nghĩa tư bản*

- Nửa đầu thế kỷ XIX, phong trào dấu tranh giải phóng dân tộc ở Mỹ La tinh bùng nổ dẫn đến sự thành lập quốc gia tư sản.
- Ở châu Á cuộc Duy tân Minh Trị 1868, đưa Nhật trở thành nước đế quốc.
- Ở Trung Quốc cách mạng Tân Hợi thành công 1911, tuy không triệt tiêu hoàn toàn chế độ phong kiến nhưng đã mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển.

→ Cuối thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX , cùng với việc các nước đế quốc đẩy mạnh xâm lược thuộc địa, chủ nghĩa tư bản đã mở rộng phạm vi ảnh hưởng trên toàn thế giới.

*c. Chủ nghĩa tư bản từ tự do cạnh tranh sang độc quyền*

- Thế kỉ XVI đến giữa thế kỉ XIX, chủ nghĩa tư bản được gọi là chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh (chịu sự chi phối quy luật thị trường, không có sự can thiệp của nhà nước).
- Nửa cuối thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX, chuyển sang giai đoạn độc quyền với sự xuất hiện các tổ chức độc quyền như: các-ten, xanh-đi-ca, tơ-rớt → chi phối toàn bộ nền kinh tế.

**3. Chủ nghĩa tư bản hiện đại**

*a. Khái niệm chủ nghĩa tư bản hiện đại*

+ Khái niệm

- Chủ nghĩa tư bản hiện đại là sự kết hợp giữa sức mạnh kinh tế của các tổ chức độc quyền với sức mạnh chính trị của nhà nước tư bản từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay.

+ Biểu hiện

- Là chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước và cao hơn là độc quyền xuyên quốc gia.
- Có sức sản xuất phát triển cao dựa trên thành tựu của khoa học và công nghệ.
- Lực lượng lao động có nhiều chuyển biến.
- Chủ nghĩa tư bản không ngừng điều chỉnh và thích ứng.
- Là một hệ thống thế giới và mang tính toàn cầu.

*b. Tiềm năng và thách thức của chủ nghĩa tư bản hiện đại*

+ Tiềm năng

- Chủ nghĩa tư bản có sức sản xuất phát triển cao dựa trên thành tựu của khoa học – công nghệ và cơ sở vật chất – kĩ thuật hiện đại.
- Chủ nghĩa tư bản có bề dày kinh nghiệm và phương pháp quản lí kinh tế.
- Chủ nghĩa tư bản có khả năng điều chỉnh và thích nghi để tiếp tục tồn tại và phát triển.
- Xu hướng toàn cầu hoá kinh tế đã và sẽ tạo ra cho các nước tư bản những nguồn lực quan trọng để phát triển kinh tế.

+ Thách thức

- Chủ nghĩa tư bản đang phải đối mặt và khó giải quyết được những cuộc khủng hoảng kinh tế – tài chính và một số vấn đề mang tính toàn cầu như: khủng hoảng năng lượng, lạm phát, thiếu lương thực, suy thoái môi trường sinh thái, dịch bệnh, thiên tai…
- Chủ nghĩa tư bản đang phải đối mặt và khó giải quyết được những vấn đề về chính trị, xã hội như: xung đột sắc tộc tôn giáo, tệ nạn xã hội…
- Sự phân biệt giàu nghèo làm tăng thêm tình trạng bất bình đẳng trong xã hội.

ꕥ

# CHƯƠNG 2

# CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TỪ NĂM 1917 ĐẾN NAY

## BÀI 3: LIÊN BANG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA XÔ VIẾT RA ĐỜI VÀ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI

### 1. Sự hình thành Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết

*a. Quá trình hình thành Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết*

- Sau khi cách mạng tháng Mười Nga thành công, 25/10/1917, Chính quyền Xô viết được thành lập do Lê-nin đứng đầu, bước vào công cuộc khôi phục và xây dựng đất nước đạt được nhiều thành tựu.
- Ngày 30/12/1922, Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết (gọi tắt là Liên Xô) được thành lập.
- Tháng 1/1924, bản Hiến pháp đầu tiên của Liên Xô được thông qua, đánh dấu hoàn thành quá trình thành lập Nhà nước Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới.

*b. Ý nghĩa sự ra đời Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết*

- *Ý nghĩa trong nước:* Mở ra con đường giải quyết đúng đắn vấn đề dân tộc, thủ tiêu sự bất bình đẳng giữa các dân tộc, củng cố và tăng cường sức mạnh của Nhà nước Xô viết.
- *Ý nghĩa quốc tế:* Liên Xô trở thành chỗ dựa vững chắc cho phong trào cách mạng thế giới, cổ vũ mạnh mẽ phong trào dân tộc của nhân dân các nước thuộc địa.

**2. Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội sau Chiến tranh thế giới thứ hai**

*a. Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu*

- *Từ năm 1945 đến năm 1949***,** các nước Đông Âu tiến hành cải cách ruộng đất, xoá bỏ chế độ chiếm hữu ruộng đất của địa chủ, quốc hữu hoá các xí nghiệp của tư bản, ban hành các quyền tự do dân chủ,….
- *Từ năm 1950 đến nửa đầu thập niên 1970*, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu nhận được sự giúp đỡ của Liên Xô đã đạt nhiều tiến bộ: công nghiệp hoá, điện khí hoá, phát triển nông nghiệp...
- *Nửa sau thập niên 1970 và trong thập niên 1980*, các nước Đông Âu lâm vào suy thoái, khủng hoảng kinh tế – xã hội trầm trọng.

*b. Sự mở rộng của chủ nghĩa xã hội ở châu Á và khu vực Mỹ la-tinh*

- Thắng lợi của Liên Xô và các nước Đồng minh cùng lực lượng dân chủ thế giới chống phát xít đã tạo điều kiện cho phong trào giải phóng dân tộc bùng nổ mạnh mẽ, dẫn đến sự ra đời nhiều nước xã hội chủ nghĩa ở châu Á (Trung Quốc, Mông Cổ, Triều Tiêu, Lào, Việt Nam) và khu vực Mỹ La-tinh có Cu Ba.

→ Sau chiến tranh thế giới thứ hai, Chủ nghĩa xã hội từ phạm vi một nước đã trở thành một hệ thống thế giới, trải dài từ châu Âu sang châu Á, lan tới khu vực Mỹ La tinh và ngày càng lớn mạnh có vị trí quan trọng trên thế giới.

*c. Nguyên nhân khủng hoảng và sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô*

- Đường lối lãnh đạo chủ quan, duy ý chí và mô hình kinh tế tập trung quan liêu bao cấp.
- Không áp dụng thành tựu của cuộc cách mạng khoa học – công nghệ hiện đại kịp thời vào sản xuất dẫn đến tình trạng trì trệ, sa sút về kinh tế.
- Khi tiến hành cải tổ, cải cách, các nhà lãnh đạo ở Đông Âu và Liên Xô phạm nhiều sai lầm nghiêm trọng.
- Hoạt động chống phá của các thế lực thù địch trong và ngoài nước góp phần làm tăng lên tình trạng bất ổn và rối loạn.

ꕥ

# BÀI 4. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TỪ 1991 ĐẾN NAY

## 1. Khái quát chủ nghĩa xã hội từ năm 1991 đến nay

- Từ năm 1991 đến nay, dưới sự lãnh đạo của các đảng cộng sản, nhiều quốc gia vẫn tiếp tục phát triển đất nước theo con đường chủ nghĩa xã hội và đã đạt được những thành tựu tiêu biểu về kinh tế, xã hội, đối ngoại,...

- Mặc dù chủ nghĩa xã hội đang đứng trước nhiều khó khăn, thử thách nhưng lí tưởng về một chế độ xã hội giàu mạnh, dân chủ, công bằng và văn minh vẫn là đích hướng tới của tất cả các quốc gia trên thế giới.

## 2. Thành tựu chính và ý nghĩa của công cuộc cải cách mở cửa ở Trung Quốc

*a. Thành tựu của công cuộc cải cách mở cửa ở Trung Quốc*

Từ tháng 12 – 1978, Trung Quốc thực hiện công cuộc cải cách mở cửa, chuyển đổi thành công sang nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa và đạt được thành tựu

+ Về kinh tế

- Thực hiện nền kinh tế thị trường, cải cách thể chế kinh tế, chú trọng phát triển khoa học kĩ thuật, đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế cao.

- Tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng từ gần 150 tỉ USD (năm 1978) lên hơn 17 nghìn tỉ USD (năm 2021 - năm đạt đỉnh tăng trưởng cao nhất tính từ năm 1960).

- Bình quân tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2020 - 2021 là 5,1%, dẫn đầu các nền kinh tế trên thế giới.

+ Về xã hội

- Xây dựng một xã hội hiện đại, có tính hài hòa, chú trọng công bằng và an sinh xã hội, hướng đến nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

- Trung Quốc chiến thắng trong cuộc chiến chống nghèo đói (trong một thập kỉ qua có gần 100 triệu người nghèo và hơn 800 huyện thoát nghèo).

+ Về văn hoá

- Xây dựng nền văn hoá xã hội chủ nghĩa, đề cao văn hoá dân tộc, phát triển giáo dục và khoa học...

+ Về khoa học - kĩ thuật

- Trung Quốc sau 20 năm cải cách mở cửa đã liên tiếp phóng 5 con tàu "Thần Châu" vào không gian Vũ trụ.

*b.Ý nghĩa công cuộc cải cách mở cửa ở Trung Quốc*

- Công cuộc cải cách mở cửa ở Trung Quốc từ năm 1978 đã giúp Trung Quốc thoát khỏi cuộc khủng hoảng, kinh tế phát triển nhanh chóng, chính trị - xã hội ổn định, đời sống nhân dân được cải thiện, nâng cao vị thế trên trường quốc tế.
- Với những thành tựu tiêu biểu đó cho thấy sự đúng đắn của con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Trung Quốc, góp phần làm phong phú thêm lí luận về mô hình phát triển chủ nghĩa xã hội trong thực tiễn.
- Để lại nhiều bài học kinh nghiệm cho các nước xã hội chủ nghĩa khác, trong đó có Việt Nam.

ꕥ

# CHƯƠNG 3
# QUÁ TRÌNH GIÀNH ĐỘC LẬP CỦA CÁC QUỐC GIA Ở DÔNG NAM Á
## BÀI 5. QUÁ TRÌNH XÂM LƯỢC VÀ CAI TRỊ CỦA CHỦ NGHĨA THỰC DÂN Ở ĐÔNG NAM Á

### 1. Quá trình xâm lược và cai trị của thực dân phương Tây ở Đông Nam Á

*a. Đông Nam Á hải đảo*

Từ sau các cuộc phát kiến địa lí, các nước tư bản phương Tây tăng cường tìm kiếm thị trường và thuộc địa; trong khi đó, các quốc gia phong kiến ở Đông Nam Á đang suy yếu, khủng hoảng. Trong bối cảnh đó, các nước tư bản phương Tây tiến hành công cuộc xâm lược và đặt ách cai trị các nước ở Đông Nam Á.

| Quốc gia | Qúa trình xâm lược |
|---|---|
| **In-nô-nê-xi-a** | Từ thế kỉ XV - XVI, các thế lực thực dân Bồ Đào Nha và Hà Lan cạnh tranh ảnh hưởng. Đến thế kỉ XIX, Hà Lan hoàn thành việc xâm chiếm và thiết lập ách thống trị thực dân trên đất nước này. |
| **Phi-lip-pin** | Từ thế kỉ XVI, Phi-líp-pin bị thực dân Tây Ban Nha thống trị. Sau khi thất bại trong cuộc chiến tranh với Mỹ (1898), Tây Ban Nha đã nhượng quyền quản lí thuộc địa Phi-líp-pin cho Mỹ. Từ năm 1899, Phi-líp-pin trở thành thuộc địa của Mỹ. |

| | |
|---|---|
| **Mã Lai (nay là Ma-lai-xi-a)** | Năm 1826, thực dân Anh đẩy mạnh xâm chiếm các tiểu quốc như Kê-đa, Pê-nang,... và thành lập Mã Lai thuộc Anh vào năm 1895 |

*b. Đông Nam Á lục địa*

| Quốc gia | Qúa trình xâm lược |
|---|---|
| **Miến Điện (Mi-an-ma)** | Sau ba cuộc chiến tranh xâm lược (1824 – 1826, 1852, 1885) thực dân Anh thôn tính Miến Điện rồi sáp nhập nước này thành một tỉnh của Ấn Độ thuộc Anh. |
| **Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia** | Đến cuối thế kỉ XIX, thực dân Pháp đã hoàn thành quá trình xâm lược những nước này và bắt đầu thi hành chính sách bóc lột, khai thác thuộc địa. |
| **Xiêm (nay là Thái Lan** | Nửa cuối thế kỉ XIX, trở thành vùng tranh chấp của thực dân Anh và Pháp. Với chính sách ngoại giao mềm dẻo, khôn khéo của vua Ra-ma V, Xiêm là nước duy nhất ở Đông Nam Á giữ được nền độc lập tương đối về chính trị |

**2. Công cuộc cải cách ở Xiêm**

*a. Công cuộc cải cách ở Xiêm*

- Từ giữa thế kỉ XIX, thực dân Anh và Pháp mở rộng xâm lược ở Đông Nam Á lục địa, Xiêm trở thành đối tượng bị nhòm ngó và trở thành vùng đệm giữa hai thế lực thực dân.
- Trước mối đe doạ của chủ nghĩa thực dân và nhu cầu phát triển đất nước, vua Ra-ma IV và Ra-ma V đã tiến hành công cuộc cải cách theo hướng hiện đại hoá nhằm bảo vệ nền độc lập.

| Lĩnh vực | Nội dung |
|---|---|
| **Kinh tế** | - Nhà nước giảm thuế nông nghiệp, xoá bỏ chế độ lao dịch, khuyến khích tư nhân bỏ vốn kinh doanh, xây dựng nhà máy, mở hiệu buôn, ngân hàng,... Tư bản nước ngoài được phép đầu tư kinh doanh. |
| **Chính trị** | Đứng đầu nhà nước là vua, bên cạnh vua có Hội đồng Nhà nước giữ vai trò là cơ quan tư vấn. Quân đội được trang bị và huấn luyện theo kiểu phương Tây. |

| | |
|---|---|
| **Xã hội** | Nhà nước xoá bỏ hoàn toàn chế độ nô lệ, giải phóng người lao động. |
| **Văn hóa** | Mở các trường học theo mô hình phương Tây |
| **Ngoại giao** | Thực hiện ngoại giao mềm dẻo, từng bước xoá bỏ các hiệp ước bất bình đẳng, lợi dụng vị trí nước đệm và mâu thuẫn giữa thực dân Anh và Pháp để giữ gìn chủ quyền đất nước. |

*b. Ý nghĩa cuộc cải cách ở Xiêm*

- Công cuộc cải cách đã góp phần bảo vệ được nền độc lập, chủ quyền của Xiêm trước sự xâm lược của chủ nghĩa thực dân.
- Công cuộc cải cách ở Xiêm mang tính chất tiến bộ, đáp ứng phần nào yêu cầu của lịch sử, đưa đất nước phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa và giữ được nền độc lập dân tộc mặc dù vẫn còn lệ thuộc về nhiều mặt.

## BÀI 6. HÀNH TRÌNH ĐI ĐẾN ĐỘC LẬP DÂN TỘC Ở ĐÔNG NAM Á

### 1. Phong trào đấu tranh chống thực dân xâm lược ở Đông Nam Á

*a. Đông Nam Á hải đảo*

- Phong trào đấu tranh chống thực dân phương Tây của nhân dân Đông Nam Á hải đảo diễn ra sớm, quyết liệt, tiêu biểu là phong trào đấu tranh ở In-đô-nê-xi-a và Phi-líp-pin.

*b. Đông Nam Á lục địa*

+ Phong trào đấu tranh chống thực dân Anh của nhân dân của nhân dân Mi-an-ma.

+ Phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp của nhân dân ba nước Đông Dương (cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX) diễn ra liên tục, sôi nổi, hình thức đấu tranh chủ yếu là khởi nghĩa vũ trang, lãnh đạo là các sĩ phu yêu nước, hoàng thân, tướng lĩnh cấp thấp và nông dân. Trong đó:

- Ở Việt Nam, phong trào kháng Pháp của nhân dân Việt Nam nổ ra ngay từ khi thực dân Pháp vừa tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Tiêu biểu như khởi nghĩa Trương Định ở Gò Công, Trần Xuân Hòa ở Mỹ Tho, Nguyễn Trung Trực ở Tân An, Võ Duy Dương ở Đồng Tháp Mười, Quản Là ở Tây Ninh… Trong những năm 1873 – 1883, nhân dân Bắc Kì cũng anh dung chiến đấu chống Pháp và nên nhiều chiến công vang dội.

+ Ở Lào, cuối thế kỉ XIX, khi thực dân Pháp hoàn thành công cuộc xâm lược, nhân dân Lào đã nổi dậy đấu tranh, phong trào đấu tranh của nhân dân Lào nhận được sự ủng hộ từ người Mông

và một số cộng đồng dân tộc ít người ở vùng Tây Bắc Việt Nam.

+ Ở Cam-pu-chia, phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp diễn ra quyết liệt, tiêu biểu là các phong trào đấu tranh dưới sự lãnh đạo của Hoàng thân Si-vô-tha (1861 – 1892) ở U-dông và Phôm Pênh, A-cha-xoa ở vùng Đông Nam, Pu-côm-bô ở vùng Đông Bắc Cam-pu-chia.

→ Nhìn chung, phong trào đấu tranh chống thực dân xâm lược ở Đông Nam Á diễn ra sôi nổi, liên tục, gây nhiều khó khăn cho kẻ thù, tuy nhiên hầu hết các cuộc đấu tranh đều thất bại.

**2. Các giai đoạn phát triển của cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Đông Nam Á.**

+ Phong trào đấu tranh giành độc lập của nhân dân Đông Nam Á trải qua ba giai đoạn phát triển:

a. Giai đoạn cuối thế kỉ XIX đến năm 1920: Khởi đầu cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc

- Sự xuất hiện của giai cấp vô sản.
- Phong trào đấu tranh chuyển từ chống xâm lược sang giành độc lập

b. Giai đoạn **1920 - 1945:** Xuất hiện xu hướng mới trong phong trào đấu tranh.

- Giai cấp vô sản đứng lên vũ đài chính trị → nhiều Đảng Cộng Sản ra đời..

c. Giai đoạn **1945 - 1975:** Hoàn thành cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc. (trừ Bru-nây: 1984, Timor Lette 2002).

**3. Thời kì tái thiết và phát triển sau khi giành được độc lập**

*a. Những ảnh hưởng của chế độ thực dân*

+ Tiêu cực

- Kinh tế: Đều yếu kém, lạc hậu, phụ thuộc vào kinh tế tư bản chủ nghĩa phương Tây.
- Chính trị: Chính sách "chia để trị" và chính sách "ngu dân" để lại hậu quả lâu dài.
- Văn hoá: Chính sách đồng hoá văn hóa phương Tây làm mai một không ít những giá trị văn hóa bản địa khu vực.

+ Tích cực: Tạo ra sự chuyển biến đến quá trình phát triển của một số nước Đông Nam Á về hạ tầng cơ sở như**:** giao thông vận tải, cầu cảng, nhà máy, hầm mỏ, đồn điền và du nhập phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa vào Đông Nam Á.

*b. Quá trình tái thiết và phát triển*

– Nhóm năm nước sáng lập ASEAN:

| | |
|---|---|
| Từ sau khi giành độc lập đến năm | Chiến lược hướng nội (công nghiệp hoá thay thế nhập khẩu)<br>- Mục tiêu: xoá bỏ nghèo nàn, lạc hậu, xây dựng kinh tế tự chủ. |

| | |
|---|---|
| 1967 | – Nội dung: phát triển công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng nội địa thay thế hàng nhập khẩu, lấy thị trường trong nước làm chỗ dựa.<br>– Thành tựu: đáp ứng nhu cầu cơ bản của nhân dân, giải quyết vấn đề thất nghiệp, tăng thu nhập quốc dân,...<br>– Hạn chế: thiếu vốn, công nghệ, tham nhũng… |
| Từ năm 1967 đến cuối thập niên 1980 | Chiến lược kinh tế hướng ngoại. (công nghiệp hóa lấy xuất khẩu làm chủ đạo)<br>- Mục tiêu: Khắc phục những hạn chế của chiến lược kinh tế hướng nội.<br>- Nội dung: Thu hút vốn đầu tư và kĩ thuật từ nước ngoài, tập trung sản đến cuối thập xuất đề xuất khẩu phát triển ngoại thương.<br>- Thành tựu: Tỉ trọng công nghiệp cao hơn nông nghiệp, mậu dịch dối ngoại tăng.<br>- Hạn chế: phụ thuộc vốn và thị trường bên ngoài, đầu tư bất hợp lí... |
| Từ những năm 1990 đến nay | – Chủ động hội nhập kinh tế thế giới, tăng cường hợp tác khu vực; tập trung triển khai nền kinh tế 4.0. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của nhóm nước này khá cao. Xin-ga-po trở thành một trong bốn "con rồng kinh tế của châu Á.<br>– Bước sang thế kỉ XXI, các nước này đang tích cực triển khai trong khuôn khổ ASEAN về Phát triển Kinh tế đồng đều (AFEED). |

– Nhóm ba nước Đông Dương:

| | |
|---|---|
| Cam-pu-chia | – Từ năm 1975 đến 1991: tình hình chính trị bất ổn, kinh tế khủng hoảng do chế độ Pôn-pốt gây ra.<br>– Từ năm 1991 đến nay: kinh tế tăng trưởng, thúc đẩy mạnh mẽ hợp tác với Trung Quốc trong sáng kiến "Vành đai và Con đường". |
| Lào | – Từ năm 1975 đến 1986: xây dựng nền kinh tế tập trung, kế hoạch hoá và đạt được một số thành tựu nhưng còn gặp nhiều khó khăn.<br>– Từ năm 1986 đến nay: thực hiện đường lối đổi mới, nên kinh tế có sự khởi sắc, đời sống nhân dân các bộ tộc Lào được cải thiện. |
| Việt Nam | – Từ năm 1986: thực hiện dường lối đổi mới, hình thành nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. |

| | |
|---|---|
| | – Từ năm 1996 đến năm 2000: trở thành một trong những nước xuất khẩu gạo lớn nhất thế giới và có nền kinh tế tăng trưởng nhanh.<br>– Thế kỉ XXI: chủ động hội nhập khu vực và quốc tế ngày càng sâu rộng. |

– Các nước khác ở Đông Nam Á:

| | |
|---|---|
| Bru-nay | – Là một trong những nước có thu nhập đầu người vào hàng cao nhất thế giới nhờ có trữ lượng đáng kể về dầu mỏ và khí tự nhiên.<br>– Giữa thập niên 80 thế kỉ XX: thi hành chính sách da dạng hoá nền kinh tế, gia tăng sản xuất hàng tiêu dùng và xuất khẩu. |
| Mi-an-ma | - Từ năm 1988: tiến hành cải cách kinh tế và mở cửa, kinh tế có phần khởi sắc. Tuy nhiên, đời sống nhân dân vẫn còn rất nhiều khó khăn. |
| Đông Ti-mo | – Năm 1975: tuyên bố độc lập.<br>– Năm 2002: được quốc tế công nhận là một quốc gia độc lập và trở thành quốc gia thứ 11 của Đông Nam Á vào ngày 20 – 5 – 2002. |

**Hết**